

Lịch Tây, Lịch Tàu, và Lịch Ta

Lê Mạnh Hùng

Âm dương lịch theo Trung Quốc và Việt Nam

Dương lịch, âm lịch, và âm dương lịch

Ngay từ khi con người trở thành con người, việc làm sao đo được thời gian đã trở thành một vấn đề quan trọng trong cuộc sống. Việc đo thời gian này dựa vào những hiện tượng tuần hoàn của thiên nhiên, trong đó có ba hiện tượng nổi bật nhất, làm căn bản cho mọi tính toán thời gian (làm lịch) của con người: chu kỳ quả đất đi chung quanh mặt trời (năm), chu kỳ mặt trăng đi một vòng chung quanh quả đất (tháng) và chu kỳ quả đất quay một vòng chung quanh chính quả đất (ngày). Khó khăn là ba chu kỳ này không phải là những bội số của nhau. Một năm có khoảng 365.2421669... ngày, trong khi một tháng thì có 29.5300888... ngày. Sự khác biệt này dẫn đến việc một số lịch dựa hoàn toàn trên vòng quay của quả đất chung quanh mặt trời, mà không kể đến tuần trăng như dương lịch hiện nay, nhưng mỗi tháng phản ánh đúng thời tiết của năm vào lúc đó. Trong loại lịch này, tuần trăng (trăng tròn hoặc khuyết có thể xảy ra bất kỳ ngày nào trong tháng). Một số lịch khác gọi là âm lịch hoàn toàn dựa trên vòng quay của mặt trăng quanh quả đất như lịch Hồi giáo. Trong loại lịch này tuần trăng trong tháng cố định, ngày mồng một chẳng hạn lúc nào cũng là ngày không trăng, thế nhưng tháng có thể soay vòng từ nóng đến lạnh không theo mùa tỷ như tháng chay Ramadan của Hồi Giáo có khi xảy ra vào giữa mùa đông, có khi lại đi vào giữa mùa hè. Sau cùng, là loại tìm cách phối hợp cả chu kỳ mặt trăng lẫn chu kỳ mặt trời. Lịch này như vậy bảo đảm đi sát với thời tiết và đồng thời cũng giữ lại được vị trí của mặt trăng trong tháng. Nhưng chính vì vậy mà cách tính lịch này trở nên phức tạp. Loại lịch thứ ba này được gọi là âm dương lịch và là lịch được ta gọi là “âm lịch” mà cả Việt Nam lẫn Trung Quốc sử dụng để định ngày Tết.

Việc tính lịch theo kiểu Trung Quốc và Việt Nam đã được cải tổ nhiều lần, nhưng căn bản ngày đầu tháng bao giờ cũng là ngày không trăng và ngày rằm là ngày trăng tròn. Vì chu kỳ mặt trăng quay chung quanh trái đất là 29.53 ngày cho nên các tháng thay đổi giữa 29 và 30 ngày, tuy rằng đôi khi có hai tháng 30 ngày liên tiếp để bù lại cho việc tuần trăng không phải chẵn 29.5 ngày mà còn nhiều hơn một chút. Tuy nhiên nếu một tháng chỉ có như vậy thì một năm mới có 354 ngày mà thôi và còn thiếu khoảng trên 11 ngày mới đủ một vòng quả đất quay quanh mặt trời. Để bù đắp lại cứ khoảng 2 hoặc ba năm một lần người ta lại thêm vào một tháng gọi là tháng nhuận để đưa chu kỳ năm và tháng trở lại phù hợp với nhau. Nói chung cứ 19 năm lại thêm 7 tháng nhuận. Nhưng thêm tháng nhuận vào lúc nào là một vấn đề phức tạp.

Các triều đại Việt Nam và Trung Quốc rất trọng nông nghiệp, và một trong những nhiệm vụ chính của lịch là giúp cho người nông dân biết được lúc nào gieo trồng và gặt hái. Vì nông nghiệp tùy thuộc rất nhiều vào thời tiết theo mùa của năm, nên việc định tháng nhuận vào lúc nào để làm cho sự lệch lạc về mùa vụ ít nhất là một trọng trách của những nhà làm lịch. Chính vì vậy thời xưa, các triều đình đều có một toà Khâm thiên giám để quan sát thiên văn và cứ mỗi năm lại đưa ra một cuốn lịch mùa vụ cho năm đó.

Nhằm giúp việc tính tháng nhuận cho đúng, người xưa định trên vòng hoàng đạo, tức là quỹ đạo quả đất đi chung quanh mặt trời 24 điểm gồm 12 tiết và 12 khí gọi chung là tiết khí, cứ hai điểm tương ứng với một tháng trong năm. Các điểm này có tên tùy thuộc vào hiện tượng thời tiết tại miền Lạc Dương (Hà Nam) cự kinh đô của các triều đại xưa của Trung Quốc.

24 điểm khí tiết này lần lượt là:

Lập Xuân (bắt đầu mùa xuân) tháng 2 dương lịch	khoảng 5
Vũ Thủy (bắt đầu mưa) tháng 2	khoảng 19
Kinh Trập (Côn trùng bắt đầu kêu) tháng 3	khoảng 6
Xuân Phân (giữa mùa xuân) tháng 3	khoảng 21
Thanh Minh (Trời trong sáng) tháng 4	khoảng 5
Cốc Vũ (Mưa sửa soạn gieo trồng) tháng 4	khoảng 20
Lập Hạ (Bắt đầu mùa hạ) tháng 5	khoảng 6
Tiểu Mãn (Lúa bắt đầu ra hạt) tháng 5	khoảng 21
Mang chủng (Lúa bắt đầu chín) tháng 6	khoảng 6
Hạ chí (giữa mùa hạ) tháng 6	khoảng 22
Tiểu thử (nóng vừa) tháng 7	khoảng 7
Đại thử (nóng lớn) tháng 7	khoảng 23
Lập Thu (bắt đầu mùa thu) tháng 8	khoảng 8
Sử thử (trời hết nóng) tháng 8	khoảng 23
Bạch lộ (sương trắng) tháng 9	khoảng 8
Thu phân (giữa mùa thu) tháng 9	khoảng 23
Hàn lộ (sương lạnh) tháng 10	khoảng 8
Sương giáng (Giá xuống) tháng 10	khoảng 24
Lập Đông (Bắt đầu mùa đông) tháng 11	khoảng 8
Tiểu tuyết (tuyết nhỏ) tháng 11	khoảng 22
Đại tuyết (tuyết lớn) tháng 12	khoảng 7
Đông chí (giữa mùa đông) tháng 12	khoảng 22
Tiểu hàn (lạnh nhỏ) tháng giêng	khoảng 6

Đại hàn (lạnh lớn)
tháng giêng

khoảng 20

Thông thường có khi chỉ có một tiết hoặc một khí năm trong tháng của mình nhưng cứ khoảng hai hoặc ba năm cả hai điểm này đều nằm ngoài tháng của mình và năm đó như vậy thì tháng mà không có điểm tiết khí phù hợp sẽ phải nhuận để đưa thời tiết trở lại phù hợp với tháng.

Nhưng vì quả đất vừa quay chung quanh mình vừa đi quanh mặt trời thành ra vị trí địa dư của nơi quan sát đóng một vai trò quan trọng. Hà Nội và Bắc Kinh khác nhau khoảng hơn một tiếng đồng hồ vì vậy thành ra mỗi điểm tiết khí đến Hà Nội trước Bắc Kinh khoảng một tiếng. Nếu thời điểm đi qua này xảy vào gần lúc nửa đêm thì có thể sai biệt trở thành từ một giờ sang thành một ngày. Đó là trường hợp của năm nay trong đó ngày Tết Việt Nam đến sớm hơn theo lịch Tàu một ngày. Và nếu nó lại xảy ra vào một ngày cuối tháng thì nó có thể đẩy điểm tiết khí đó sang tháng khác, khiến cho một bên thì nhuận trong khi bên kia không nhuận. Đó là trường hợp xảy ra vào thập niên 80. Tuy nhiên nếu có sai biệt thì cũng chỉ một tháng sau là cùng là mọi chuyện phải được điều chỉnh trở lại. Vì dù sao thì sự khác biệt cũng chẳng có bao nhiêu.

**Lịch Ta và lịch Tàu**

Sự khác biệt giữa ngày Tết của Việt Nam và của Trung Quốc tuy có nhưng kỳ thật cũng đều là theo tập tục của người Trung Quốc cả. Chúng ta học ăn tết theo người Hoa và dù có thay đổi thì cũng là đi theo họ mà thôi. Nếu muốn tìm

một ngày tết của chính người Việt mình thì ta phải trở về quá khứ, về thời các vua Hùng khi nước ta còn chưa là một quận huyện của đế quốc Hán.

May mắn là ta còn một số những tang chứng về văn minh của ông cha ta thời đó qua những trống đồng để lại. Và qua những hình khắc trên mặt trống các nhà khảo cổ đã thấy rằng dân Lạc có một lịch và một ngày Tết riêng khác hẳn với người Hoa.

Nghiên cứu trống đồng Hoàng Hạ, một trống đồng có niên đại vào khoảng thứ 7 hoặc 8 trước Công Nguyên, các nhà khảo cổ đã thấy rằng người Lạc cổ đã xác định được các điểm Xuân Phân, Thu Phân, Hạ chí và Đông chí trên thiên cầu. Cùng với các điểm này người Lạc cổ đã xác định được một hình thức nông lịch sơ khởi giúp người dân biết lúc nào có thể làm việc gì trong tiến trình trồng cấy. Nhưng có lẽ vì là nông lịch nên lịch này chỉ xác định từ tháng 9 cho đến tháng tư dương lịch mà thôi, còn từ tháng tư cho đến tháng 9 thì chỉ là một khối ngày không có tên tuổi. Điều này cũng không có gì lạ vì đối với tổ tiên ta những ngày đó không có việc gì quan trọng. Canh tác trong thời vua Hùng chỉ có một mùa lúa mà thôi. Mùa lúa chiêm lúc đó còn chưa có. Đó là đối với nông nghiệp, còn đối với nghề đi biển chài lưới, thì thời gian này cũng là thời gian bão tại vịnh Bắc Việt.

Hiện tượng một năm chỉ xác định có vài tháng là một chuyện khá thông thường trong lịch cổ của các nước. Cho đến thế kỷ thứ 8 trước Công Nguyên, lịch La Mã - vốn là gốc của dương lịch hiện nay - chỉ có mười tháng, bắt đầu từ tháng ba cho đến tháng chạp. Còn hai tháng giêng và tháng hai dương lịch cũng chỉ là một khối ngày không có tên. Phải mãi về sau, La Mã mới lập thêm ra hai tháng giêng và hai cho đủ năm.

Vì lịch ta, lịch của dân Lạc bắt đầu từ tháng 9 cho nên ngày tết thời xưa của ta cũng rơi vào khoảng này. Những hình vẽ trên trống đồng cho thấy một ngày lễ tương tự như ngày hội nước

của những dân tộc láng giềng như Thái hoặc Lào với những thuyền độc mộc mũi cong hình cánh én và những người mặc quần áo ngày hội đang vừa lái thuyền vừa đánh trống vừa cầm vũ khí bảo vệ. Hầu hết những hình khắc vẽ này đều có hình bông lau, chứng tỏ rằng các buổi lễ này xảy ra vào mùa thu.

Trong thời gian gần một ngàn năm bắc thuộc chắc hẳn rằng người Hán đã mang tập tục ăn Tết của họ du nhập vào Việt Nam, thế nhưng tuy rằng các triều đại độc lập có bắt chước các hoàng đế phương bắc tổ chức những cuộc tế lễ theo lịch tàu như cày ruộng tịch điền, tế đền Nam giao, dân chúng Việt Nam vẫn tiếp tục ăn Tết theo cổ tục thời Hùng vương ít nhất là đến đời nhà Tiền Lê. Trong cuốn sách *Lĩnh Ngoại Đại Đáp* của Chu Khứ Phi đời Tống vốn tả lại các chuyến đi sứ của ông sang các nước Đông Nam Á (hầu hết những gì người ta biết về đời sống của đất nước Angkor là nhờ vào cuốn sách này) đã kể lại rằng dân Việt Nam thời đó “không biết Tết, không biết năm, chỉ lấy ngày giữa tháng tám làm ngày hội, già trẻ đi chúc tụng nhau, xem như đó là đầu năm”.

Tập ăn Tết vào tháng 8 này có lẽ là đến đời Lý là hết vì sang đến đời Trần, các hồi ký của các sứ thần nhà Nguyên đã không hề nhắc đến tập tục này nữa. Nhưng dư âm của ngày Tết tháng tám này vẫn còn ở trong xã hội Việt Nam thành ra so với người Hoa thì người Việt ăn Tết trung thu lớn hơn nhiều. Và tại miền bắc việc múa lân mừng năm mới không vào dịp Tết mà là vào dịp trung thu.

